|  |
| --- |
| **Phụ lục II** |

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰCMỘT PHẦN**

**NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 502 /QĐ-UBND ngày 5 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,*

*Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực, ngưng hiệu lựctoàn bộ hoặc một phần năm 2017)*

*\*\*\**

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰCMỘT PHẦN NĂM 2017**

| **Stt** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản** | **Nội dung, quy định** **hết hiệu lực** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NĂM 2004** |
|  | Nghị quyết | 14/2004/NQ-HĐ ngày 16/7/2004 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2004. | Nội dung: *“Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận phương án 1 về mức thu như đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng ý tỷ lệ để lại đơn vị cấp nước 1%, phường-xã 15% và phải thực hiện đúng mục đích chi”*tại Khoản 7.2 Mục 7 phần II của Nghị quyết | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/01/2018 |
| **NĂM 2010** |
|  | Quyết định | 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động. | Điểm c khoản 1 Điều 2 tại Bảng quy địnhban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND | Được sửa đổi bởi Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010  | 01/9/2017 |
| **NĂM 2011** |
|  | Nghị quyết | 28/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011 của Hội đồng nhân dân về nâng mức phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố và Công an viên | Các nội dung phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Về điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Dân quân Tự vệ; nâng phụ cấp hằng tháng, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp trang phục đối với lực lượng Bảo vệ dân phố | 01/01/2018 |
| **NĂM 2012** |
|  | Quyết định | 30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch | Điều kiện tuyển dụng *"có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh*" tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Quy địnhban hành kèm theo Quyết định 30/2012/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
| NĂM 2014 |
|  | Nghị quyết | 11/2014/NQ-HĐND ngày 11/6/2014 của Hội đồng nhân dân về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp | Nội dung quy định mức khoán hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng tháng đối với khu phố, ấp tại Khoản 3.1, Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nâng mức hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân | 01/8/2017 |
|  | Quyết định | 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 | Nhóm tuyến đường đổi tên, chỉnh đoạn, điều chỉnh, bổ sung giá đất tại Bảng 6 - Bảnggiá đất ở các quận – huyện: 2, 6, 9, 10,11, Thủ Đức, Gò Vấp, Tân Phú, Phú Nhuận, Bình Tân, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ, Nhà Bè, Củ Chi. | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 22/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019. | 01/8/2017 |
| NĂM 2015 |
|  | Quyết định | 36/2015/QĐ-UBND ngày 24/07/2015của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố | Khoản 4 Điều 6 của Quy địnhban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 44/2015/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | Khoản 3 Điều 6 của Quy địnhban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh. | Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 6, Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ | 26/3/2017 |
| **NĂM 2016** |
|  | Nghị quyết | 124/2016/NQ-HĐNDngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thấm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. | Nội dung thu *"lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch"* tạiKhoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C Phụ lục 1B | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Phụ lục 1B của Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố  | 01/8/2017 |
| Nội dung quy định mức thu *“lệ phí đăng ký cư trú”* tại Khoản 1 Mục II Phụ lục 01 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018 |
| Nội dung quy định mức thu *“lệ phí cấp giấp phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”* tại Khoản 4 Mục II Phụ lục số 01 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018 |
| Nội dung quy định về mức thu phí thăm quan bảo tàng được quy định tại Khoản 10, Mục I, Phụ lục 01 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thăm quan các bảo tàng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao quản lý | 01/01/2018 |
| Nội dung thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Điểm 3 Mục I Phụ lục số 01 | Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018 |
| Điểm 7 mục II Phụ lục số 01 | Được thay thế bởi Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2018 |
|  | Quyết định | 03/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp | * Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 6
* Nội dung *"bản sao hộ khẩu thường trú"* tại Điểm c Khoản 1 Điều 7
 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 | * Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND
* Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND
 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 14/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 | Thành phần hồ sơ *"Bản sao giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú … tốt nghiệp đại học loại giỏi, tuổi đời dưới 30"* tại Khoản 2 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 20/2016/QĐ-UBND ngày 09/06/2016của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố | Điểm d Khoản 1 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 20/2016/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017 |
|  | Quyết định | 36/2016/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh | * Điều 4 Quy chếban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND
* Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy chếban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND
 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản. | 01/11/2017 |
| 1. 10
 | Quyết định | 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh | Nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Khoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C, Phần 2 Phụ lục 13 Mức thu lệ phí hộ tịchban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Phụ lục 13 Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố. | 01/8/2017 |
| **NĂM 2017** |
|  | Quyết định | 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh | * Điều 7
* Khoản 4 Điều 9
 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND  | 27/11/2017 |
| **Tổng số: 17 văn bản** |

**B. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰCMỘT PHẦN NĂM 2017:** Không có

**C. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2017VÀ TRONG NĂM 2017:** Không có

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**